

Bản án số: 247/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 11/6/2025

“V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị Yên

Các hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Bích Liên

Bà Dương Thị Kim Hồng

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Đinh Thị Thu - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương:** Bà Bùi Thị Hậu - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 6 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 152/2025/TLST-DS ngày 21 tháng 3 năm 2025 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 236/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 29/4/2025; Quyết định hoãn phiên tòa số 136/2025/QĐH-HNGĐ ngày 19/5/2025; Thông báo thời gian mở phiên tòa số 03/2025/TB-TA ngày 20/5/2025 giữa:

- **Nguyên đơn:** Chị **Đỗ Thị An H**, sinh năm 1985;

Địa chỉ: Thôn D, D, huyện K, thành phố Hải Phòng.

CCCD: 031185006791; cấp ngày 05/4/2023; nơi cấp: Cục trưởng Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội.

- **Bị đơn:** Anh **Trần Tuấn D**, sinh năm 1983

Địa chỉ trước khi xuất cảnh: Số I N, phường B, thành phố H, tỉnh Hải Dương. Nơi cư trú hiện nay: Nhật Bản

CCCD: 030083003450; cấp ngày 28/10/2022; nơi cấp: Cục trưởng Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội.

(Chị H có quan điểm đề nghị giải quyết vắng mặt, anh D được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn, bản tự khai, giấy ủy quyền, đơn đề nghị giải quyết vắng mặt - Nguyên đơn chị **Đỗ Thị An H** trình bày:

Chị **Đỗ Thị An H** và anh **Trần Tuấn D** kết hôn trên cơ sở tự nguyện có tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường B, thành phố H, tỉnh Hải

Dương ngày 23/4/2015. Sau khi kết hôn, chị H về sinh sống cùng gia đình anh D tại thành phố H, vợ chồng sống hạnh phúc được 5 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi vã. Năm 2017 anh D đi lao động tại Nhật Bản, chị đưa con về quê ngoại ở Hải Phòng sinh sống ; năm 2022 anh D về nước, anh D có về Hải Phòng sống cùng mẹ con chị một thời gian, sau đó anh D về Hải Dương và tiếp tục đi lao động tại Nhật Bản. Sau khi anh D đi, anh D gần như không liên lạc hỏi han mẹ con chị. Đến nay chị nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh D.

Về con chung : Vợ chồng có 01 con chung là Trần Bảo A, sinh ngày 02/11/2015, hiện cháu Bảo A đang do chị chăm sóc và nuôi dưỡng. Sau khi ly hôn, chị H đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được chăm sóc và nuôi dưỡng cháu Trần Bảo A, chị H không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản, công nợ chung và các nghĩa vụ tài chính khác: Chị H xác định vợ chồng không có tài sản, nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí ly hôn và các chi phí tố tụng khác: Chị H đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

Do nguyên đơn chị H không cung cấp được địa chỉ của anh D tại Nhật Bản. Tòa án tiến hành xác minh thông qua gia đình D là bà Chu Thị C, sinh năm 1955, địa chỉ: Thôn T, xã N, huyện N, tỉnh Hải Dương. Bà C cho biết bà là mẹ đẻ của anh Trần Tuấn D, anh D hiện đang lao động tại Nhật Bản, anh D vẫn liên lạc về gia đình. Về điều kiện kết hôn, mâu thuẫn vợ chồng giữa chị H và anh D như chị H trình bày là đúng. Sau khi anh D đi lao động tại Nhật Bản, chị H đưa con về Hải Phòng sinh sống, năm 2022 anh D về nước một thời gian, anh D về Hải Phòng sống cùng mẹ con chị H thời gian ngắn, sau đó vợ chồng bất đồng quan điểm, anh D về Hải Dương sống và tiếp tục đi lao động tại Nhật Bản. Đến nay, chị H có nguyện vọng xin ly hôn, anh D nhất trí, tuy nhiên do không về để làm thủ tục ly hôn được, anh D đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật và đề nghị Tòa án tổng đạt văn bản tố tụng của Tòa án thông qua bà, bà sẽ có trách nhiệm thông báo cho anh D được biết. Bà đã nhận được Thông báo thụ lý vụ án của Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương, đã thông báo cho anh D được biết, hiện anh D không có địa chỉ cụ thể tại Nhật Bản, không cung cấp địa chỉ và không gửi văn bản về Tòa án được, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định.

Về con chung: Chị H và anh D có 01 con chung là cháu Trần Bảo A, sinh ngày 02/11/2015, hiện cháu Bảo A đang do chị H chăm sóc và nuôi dưỡng. Sau khi ly hôn, chị H đề nghị Tòa án giải quyết cho chị H được chăm sóc và nuôi dưỡng cháu Trần Bảo A, chị H không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con. Sau

khi liên lạc với anh D, anh D có quan điểm nhất trí giao con Trần Bảo A cho chị H tiếp tục chăm sóc và nuôi dưỡng đến khi cháu trưởng thành.

Về tài sản, công nợ chung: Chị H, anh D không có tài sản, công nợ chung.

Tại phiên tòa:

- Các đương sự đều vắng mặt.

- Quan điểm của đại diện VKSND tỉnh Hải Dương: Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký phiên tòa, người tham gia tố tụng chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ các tài liệu có trong hồ sơ cho thấy mâu thuẫn giữa chị H và anh D đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện, xử cho chị Đỗ Thị An H được ly hôn anh Trần Tuấn D. Về con chung, giao cháu Trần Bảo A cho chị H chăm sóc và nuôi dưỡng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Chị H phải chịu án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và xem xét ý kiến của các đương sự, quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương, Hội đồng xét xử nhận định:

[1.1] Bị đơn anh Trần Tuấn D hiện đang sinh sống và làm việc tại Nhật Bản; nơi cư trú trước khi xuất cảnh tại: Khu C, phường B, thành phố H, tỉnh Hải Dương. Căn cứ theo quy định tại khoản 3 Điều 35, điểm b khoản 1 Điều 37 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.

[1.2] Về sự vắng mặt của đương sự: Tại phiên tòa nguyên đơn chị H vắng mặt và đề nghị giải quyết vắng mặt; bị đơn được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 227; Điều 228 BLTTDS, xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] *Về quan hệ hôn nhân:* Chị H và anh D tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường B, thành phố H vào ngày 23/4/2015 nên là hôn nhân hợp pháp.

Chị H trình bày sau khi kết hôn, chị về sinh sống cùng gia đình anh D tại thành phố H, vợ chồng sống hạnh phúc được 5 năm thì phát sinh mâu thuẫn; nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi vã; năm 2017 anh D đi lao động tại Nhật Bản, chị đưa con về quê ngoại ở Hải Phòng sinh sống; năm 2022 anh D về nước, anh D có về Hải Phòng sống cùng mẹ con chị một thời gian sau đó anh D về Hải Dương và tiếp tục đi lao động tại Nhật Bản. Sau khi anh D đi, anh D không liên lạc hỏi han mẹ con chị. Đến nay, chị nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Tòa án giải quyết

cho chị được ly hôn anh D. Thông qua gia đình anh D có quan điểm xác định vợ chồng có mâu thuẫn, chị H có nguyện vọng ly hôn, anh D nhất trí.

Xét thấy, mâu thuẫn giữa chị H, anh D đã trầm trọng, anh chị không còn yêu thương, quan tâm, chia sẻ, giúp đỡ nhau trong cuộc sống, mục đích hôn nhân không đạt được, nên cần chấp nhận cho chị H được ly hôn anh D là phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2] *Về quan hệ con chung*: Chị H và anh D có 01 con chung là cháu Trần Bảo A, sinh ngày 02/11/2015, hiện cháu Bảo A đang do chị H chăm sóc và nuôi dưỡng. Sau khi ly hôn, chị H đề nghị Tòa án giải quyết cho chị H được chăm sóc và nuôi dưỡng cháu Trần Bảo A, chị H không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con. Thông qua gia đình, anh D có quan điểm nhất trí giao con Trần Bảo A cho chị H tiếp tục chăm sóc và nuôi dưỡng đến khi cháu trưởng thành. Cháu Trần Bảo A có quan điểm đề nghị Tòa án giải quyết cho cháu được ở cùng mẹ.

Do vậy, cần chấp nhận quan điểm của chị H giao cháu Trần Bảo A, sinh ngày 02/11/2015, cho chị H tiếp tục chăm sóc và nuôi dưỡng cho đến khi cháu trưởng thành đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chấp nhận sự tự nguyện của chị H không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con.

[2.3] *Về tài sản chung, nợ chung*: Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[3] Về án phí: Chị H phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì những lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 56, 58, 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Luật phí và lệ phí; Nghị quyết số 326/QH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu án phí, lệ phí Tòa án. Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Đỗ Thị An H ly hôn anh Trần Tuấn D

2. Về quan hệ con chung: Giao con Trần Bảo A, sinh ngày 02/11/2015 cho chị Đỗ Thị An H tiếp tục chăm sóc và nuôi dưỡng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Anh Dũng được quyền thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được cản trở.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Đỗ Thị An H tự nguyện không yêu cầu Anh Trần Tuấn D không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

3. Về án phí: Chị Đỗ Thị An H phải chịu 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm; nhưng được đối trừ số tiền tạm ứng án

phí 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu số 0001737 ngày 21/3/2025 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Hải Dương. Chị H đã nộp đủ án phí

4. Về quyền kháng cáo: Chị H được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày xét xử sơ thẩm.

Anh Dũng được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Hải Dương;
- UBND phường Bình Hàn, TP Hải Dương;
- Các đương sự;
- Cục THADS tỉnh Hải Dương;
- Lưu hồ sơ.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Vũ Thị Yến